**TUẦN 5 Tiết 1**

Ngày dạy: 05/10-11/10

**Bài 9: CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ**

**I/. MỤC TIÊU:**

**1/. Kiến thức:**

***a/. Chuẩn:***

* Biết được cơ quan rễ và vai trò của rễ đối với cây.
* Phân biệt được: rễ cọc và rễ chùm.
* Trình bày được các miền của rễ và chức năng của từng miền.

**b/. Trên chuẩn mức 1:**

* Phân biệt được các loại rễ thông qua một số ví dụ.

***c/. Trên chuẩn mức 2:***

* Vẽ được sơ đồ các miền của rễ.

**2/. Kĩ năng:**

***a/. Kĩ năng môn học:***

* Rèn kĩ năng quan sát phân tích hình ảnh và phát triển tư duy so sánh, phân tích.
* Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.

***b/. Kĩ năng sống:***

* Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, so sánh hình dạng ngoài của các loại rễ với nhau; các miền của rễ và chức năng của từng miền.
* Kĩ năng lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ/ ý tưởng khi thảo luận về cách chia cây thành hai nhóm căn cứ vào cấu tạo của rễ.
* Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp.

**3/. Thái độ:** Giáo dục lòng yêu thích bộ môn.

**II/. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

* Tranh hình 9.1 – 9.3 SGK/29.
* Một số loại rễ.

**III/. PHƯƠNG PHÁP – KĨ THUẬT DẠY HỌC:**

* Động não, dạy học nhóm, vấn đáp, trực quan – tìm tòi…

**IV/. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1/. Kiểm tra bài cũ:**

**2/.** **Bài mới:** Rễ giữ cho cây mọc được trên đất. Rễ hút nước và muối khoáng hòa tan. không phải tất cả các loại cây đều thuộc cùng 1 loại rễ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1:** **CÁC LOẠI RỄ** | | | | |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** | |
| * Kiểm tra mẫu vật của HS mang đến lớp. * Yêu cầu HS đọc mục ▼ thứ nhất SGK/ 29 và quan sát hình 9.1 🡒 hoàn thành bảng sau:  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tên cây | Đặc điểm | A | B | |  |  |  |  | | … |  |  |  | | Đặt tên rễ |  |  |  |  * GV tiếp tục yêu cầu HS đọc mục ▼ thứ 2 SGK/ 29. * GV sửa bài tập, yêu cầu 1 nhóm hoàn chỉnh nhất để nhắc lại cho cả lớp cùng nghe. * Yêu cầu quan sát hình 9.2 SGK/30 🡒 Trong các cây : tỏi bưởi, cải, lúa, hồng xiêm. Cây nào có rễ cọc và cây nào có rễ chùm ?   ? Có mấy loại rễ chính? Nêu đặc điểm của mỗi loại? | | * Để mẫu vật lên bàn học. * Nghiên cứu thông tin SGK, quan sát rễ cây để phân loại rễ * Quan sát kĩ tìm những rễ giống nhau đặt vào 1 nhóm. * Trao đổi nhóm 🡒 thống nhất tên cây, tên rễ cây 🡒 hoàn thành bảng. * HS quan sát kĩ rễ cây ở 2 nhóm A, B chú ý kích thước và cách mọc trong đất của rễ để làm bài tập mục ▼ thứ 2 SGK/ 29. * Quan sát và trả lời: * Cây có rễ cọc: bưởi, cải và hồng xiêm. * Cây có rễ chùm: tỏi tây và lúa. * Rút ra kết luận | Có 2 loại rễ chính:   * Rễ cọc gồm rễ cái to, khỏe và các rễ con. VD: * Rễ chùm gồm những rễ con mọc từ gốc thân. VD: | |
| **HOẠT ĐỘNG 2:** **CÁC MIỀN CỦA RỄ** | | | | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | | **Nội dung** |
| * Dùng mô hình giới thiệu 4 miền của rễ. * Yêu cầu 1-2 HS chỉ trên mô hình các miền của rễ.   ⮞Vậy rễ chia làm mấy miền? kể tên ?   * Yêu cầu HS đọc mục ▼ SGK/30.   ? Hãy nêu các chức năng chính các miền của rễ ?   * Miền trưởng thành: dẫn truyền * Miền hút: hấp thụ nước và muối khoáng. * Miền sinh trưởng: làm cho rễ dài ra. * Miền chóp rễ: che chở cho đầu rễ. * Yêu cầu HS phát biểu chức năng các miền của rễ 🡒 nhận xét. | * Quan sát và ghi nhớ các miền của rễ. * Thuyết trình về đặc điểm các miền của rễ. * Đọc SGK/30 nêu được chức năng các miền. * Lắng nghe và ghi nhớ. | | | Bảng các miền của rễ và chức năng các miền của rễ: SGK/ 30 |

**3/. Củng cố:**

* Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ
* Trả lời câu hỏi cuối bài
* Bài tập: Em hãy chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Trong các miền sau đây, miền nào có chức năng dẫn truyền ?

**a.** **Miền trưởng thành.** c. Miền sinh trưởng.

b. Miền hút. d. Miền chóp rễ.

Câu 2: Trong những nhóm cây sau đây, những nhóm cây nào gồm toàn cây có rễ cọc:

**a.** **Cây xoài, cây ớt, cây đậu, cây hoa hồng.**

c. Cây táo, cây mít, cây su hào, cây lúa.

b. Cây bưởi, cây cà chua, cây hành, cây cải.

d. Cây dừa, cây hành, cây lúa, cây ngô.

**4/. Dặn dò:**

* Học bài, làm bài và trả lời câu hỏi SGK.
* Đọc mục “Em có biết?”
* Chuẩn bị bài: “Cấu tạo miền hút của rễ”.

**V/. RÚT KINH NGHIỆM SAU BÀI HỌC:**

Cho HS biết được đặc điểm để nhận dạng các loại rễ, lấy được ví dụ về các loại rễ đã học, cho hs biết được chức năng của các miền của rễ

**TUẦN 5 TIẾT 2**

**Bài 10: CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ**

**I/. MỤC TIÊU:**

**1/. Kiến thức:**

***a/. Chuẩn:***

* Trình bày được cấu tạo miền hút của rễ.
* Trình bày được vai trò của lông hút.

***b/. Trên chuẩn mức 1:***

* Phân biệt được tế bào thực vật và lông hút

***c/. Trên chuẩn mức 2:***

* Vẽ sơ đồ cấu tạo miền hút.

**2/. Kĩ năng:**

***a/. Kĩ năng môn học:***

* Rèn kĩ năng quan sát phân tích hình ảnh và phát triển tư duy so sánh, phân tích.
* Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.

***b/. Kĩ năng sống:***

* Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin nêu cấu tạo của miền hút
* Kĩ năng phản hồi, lắng nghe tích cực trong quá trình thảo luận
* Kĩ năng thể hiện sự tự tin trong trình bày ý kiến cá nhân.

**3/. Thái độ:** Giáo dục lòng yêu thích bộ môn.

**II/. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

* Tranh hình 10.1-10.2 và 7.4.
* Bảng phụ.

**III/. PHƯƠNG PHÁP – KĨ THUẬT DẠY HỌC:**

* Dạy học nhóm, vấn đáp – tìm tòi…

**IV/. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1/. Kiểm tra bài cũ:**

?Có mấy loại rễ? Cho ví dụ.

?Các miền của rễ.

**2/.** **Bài mới:** Ta đã biết rễ có 4 miền chính và mỗi miền đều có chức năng quan trọng nhưng vì sao miền hút lại là miền quan trọng nhất? Nó có cấu tạo như thế nào để phù hợp với chức năng hút nước và muối khoáng?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: PHẦN** **VỎ** | | | | |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung** |
| * Treo tranh: Lát cắt ngang qua miền hút của rễ. * Yêu cầu HS đọc bảng “Cấu tạo và chức năng của miền hút” kết hợp với tranh vẽ trên bảng 🡒 Miền hút của rễ được chia làm mấy phần? * Giới thiệu 2 phần miền hút của rễ trên tranh vẽ.   ? Vỏ của miền hút của rễ bao gồm những thành phần nào?   * Nhấn mạnh: lông hút nằm ở phần tế bào biểu bì và do TB biểu bì kéo dài ra.   ? Theo em lông hút có phải là tế bào không ?   * Treo tranh vẽ: tế bào lông hút 🡒Yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:   ? Theo em vì sao mỗi lông hút là 1 tế bào?   * Treo tranh: Sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật 🡒 yêu cầu HS quan sát, so sánh tìm đặc điểm khác nhau giữa tế bào lông hút với tế bào thực vật.   ? Tại sao tế bào lông hút không có lục lạp?  ? Tóm lại chức năng chủ yếu của lông hút là gì? Theo em lông hút có tồn tại mãi không?  ? Có phải tất cả các rễ cây đều có lông hút?  ? Nước và muối khoáng từ lông hút 🡒 thịt vỏ 🡒 trụ giữa 🡒 sẽ đi đến đâu? | | * Quan sát tranh, đọc thông tin trong bảng. * Trả lời: miền hút của rễ được chia làm 2 phần: vỏ và trụ giữa. * Quan sát 🡒 Ghi nhớ giới hạn của từng phần qua tranh vẽ. * Vỏ của miền hút gồm: lông hút và biểu bì ở phía ngoài; thịt vỏ ở bên trong. * Lắng nghe. * Trả lời: Lông hút là 1 tế bào. * Quan sát tranh và trả lời: mỗi lông hút là 1 tế bào vì nó có các thành phần giống tế bào thực vật như: vách tế bào, chất tế bào, nhân… * Quan sát và trả lời: * Đặc điểm khác nhau: lông hút có: * Hình dạng dài, không bào lớn. * Nhân nằm ở đầu lông hút. * Không có lục lạp. * Vì lục lạp giúp cây xanh tổng hợp chất hữu cơ đi nuôi cdơ thể. Rễ nằm sâu trong đất nơi không có ánh sáng mặt trời nên trong cấu tạo của lông hút không cần phải có lục lạp, nhưng phải có không bào lớn, kéo dài để tìm nguồn thức ăn. * Chức năng chủ yếu: hút nước và muối khoáng để nuôi cơ thể. Lông hút không tồn tại mãi vì khi già lông hút sẽ rụng đi bởi lông hút là tế bào biểu bì kéo dài ra. * Nhiều loại rễ cây ngập trong nước sẽ không có lông hút vì nước và muối khoáng hoà tan trong nước ngấm trực tiếp vào bên trong tế bào biểu bì của rễ. | | Cấu tạo miền hút của rễ gồm 2 phần chính:  ***Vỏ:*** gồm:   * Biểu bì có nhiều lông hút. Lông hút là tế bào biểu bì kéo dài có chức năng hút nước và muối khoáng hòa tan. * Thịt vỏ có chức năng chuyển các chất từ lông hút vào trụ giữa. |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : TRỤ GIỮA** | | | | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung** | |
| -Yêu cầu quan sát tranh trên bảng 🡒 Trụ giữa gồm những thành phần nào?  ⮞Tóm lại, trụ giữa gồm những thành phần nào? Nêu chức năng của các thành phần đó? | * Nghiên cứu và trả lời: * Mạch rây và mạch gỗ gọi chung là bó mạch. * Mạch rây: gồm những tế bào có vách mỏng 🡒 chuyển chất hữu cơ đi nuôi cây. * Mạch gỗ: gồm những tế bào có vách hóa gỗ 🡒 chuyển nước và muối khoáng đến thân, lá. * Ruột: chứa chất dự trữ. | | ***Trụ giữa:*** gồm:   * Mạch rây và mạch gỗ có chức năng vận chuyển các chất. * Ruột chứa chất dự trữ. | |

**3/. Củng cố:**

* Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ
* Trả lời câu hỏi cuối bài
* Bài tập: Em hãy chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu: Tại sao miền hút là miền quan trọng nhất?

a. Miền hút gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

b. Có mạch rây và mạch gỗ vận chuyển các chất.

**c. Có nhiều lông hút giữ chức năng hút nước và muối khoáng hòa tan.**

d. Có ruột chứa chất dự trữ.

**4/. Dặn dò:**

* Học bài, làm bài và trả lời câu hỏi SGK.
* Đọc mục “Em có biết?”
* Kết quả mẫu thí nghiệm trong bài tập SGK/34.
* Chuẩn bị bài: “Sự hút nước và muối khoáng của rễ”.

**V/. RÚT KINH NGHIỆM SAU BÀI HỌC:**

Học sinh cần nêu được tên các miền của rễ và chức năng cuả vùng miền

Học sinh biết được miền nào là quan trọng nhất vì sao?